

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/DS-ST

Ngày: 30-5-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh

2. Bà Bùi Thị Duyên

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97a/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (N BANK);

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, TP. HCM.

Người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Như Q, sinh năm: 1992. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971, ông Ngô Văn C, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần N - Phòng giao dịch T (sau đây gọi là “N Bank”) có cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 0393/2023/609-TD-CV ngày 29/11/2023 (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) và cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị T theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0113/2024/609-CV ngày 16/07/2024 (gọi tắt là “Hợp đồng thẻ tín dụng”), thông tin khoản vay chi tiết như sau:

Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất trong hạn: 9.10%, lãi suất quá hạn: 150%, mục đích vay: Nuôi tôm (thủy sản nội địa), hạn mức thế tín dụng: 50.000.000 đồng, thời hạn thế: 60 tháng.

Khoản cấp tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố 0266/2023/609-TD-BĐ công chứng cùng ngày 29/11/2023 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Bến Tre. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre, thông tin tài sản chi tiết như sau:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222399, số vào sổ cấp GCN: VP14452 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chỉnh lý ngày 23/11/2023.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222400, số vào sổ cấp GCN: VP14453 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chỉnh lý ngày 23/11/2023.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 398, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222401, số vào sổ cấp GCN: VP14454 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222402, số vào sổ cấp GCN: VP14455 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế tín dụng nên khoản vay của bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C đã chuyển sang nợ quá hạn.

N Bank đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận tại Hợp đồng đã giao kết.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C có nghĩa vụ liên đới phải trả ngay cho N Bank một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực các khoản sau:

Số tiền tạm tính đến ngày 04/12/2024 là: 1.332.841.116 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười sáu đồng), trong đó gồm: (Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.257.103 đồng; Nợ lãi vốn quá hạn (100%): 972.329 đồng; Nợ lãi phạt vốn quá hạn (50%): 486.164 đồng; Lãi chậm trả lãi: 7.609 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng: 22.117.911 đồng. Cụ thể:

Thẻ: 970428xxxxxx3044: 21.705.523 đồng; Thẻ: 356519xxxxxx7016: 412.388 đồng (Chi tiết theo Bảng tính lãi đính kèm)

Số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến ngày bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì N Bank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay cho N Bank cụ thể như sau:

- Thừa đất số 396, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số D 222399, số vào sổ cấp GCN: VP14452 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chỉnh lý ngày 23/11/2023.

- Thừa đất số 397, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre, GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222400, số vào sổ cấp GCN: VP14453 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chỉnh lý ngày 23/11/2023.

- Thừa đất số 398, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222401, số vào sổ cấp GCN: VP14454 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

- Thừa đất số 399, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 2402, số vào sổ cấp GCN: VP14455 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với N Bank. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh

toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ liên đới trả và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho N Bank.

Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp A, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/12/2024 là: 1.332.841.116 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười sáu đồng), trong đó gồm: (Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.257.103 đồng; Nợ lãi vốn quá hạn (100%): 972.329 đồng; Nợ lãi phạt vốn quá hạn (50%): 486.164 đồng; Lãi chậm trả lãi: 7.609 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng: 22.117.911 đồng. Cụ thể:

Thẻ: 970428xxxxxx3044: 21.705.523 đồng; Thẻ: 356519xxxxxx7016: 412.388 đồng (Chi tiết theo Bảng tính lãi đính kèm).

+ Số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến ngày bị đơn thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã ra giấy triệu tập cho bà T và ông C để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định bị đơn có vay tiền ngân hàng và số tiền tính đến ngày 04/12/2024 là: 1.332.841.116 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười sáu đồng), trong đó gồm: (Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.257.103 đồng; Nợ lãi vốn quá hạn (100%): 972.329 đồng; Nợ lãi phạt vốn quá hạn (50%): 486.164 đồng; Lãi chậm trả lãi: 7.609 đồng.

Dư nợ thẻ tín dụng: 22.117.911 đồng. Cụ thể:

Thẻ: 970428xxxxxx3044: 21.705.523 đồng; Thẻ: 356519xxxxxx7016: 412.388 đồng.

Vì vậy, cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho N Bank số tiền nêu trên là phù hợp.

2.3 Trường hợp bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì N Bank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay cho N Bank cụ thể như sau:

- Thửa đất số 396, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số D 222399, số vào sổ cấp GCN: VP14452 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chính lý ngày 23/11/2023.

- Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre, GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222400, số vào sổ cấp GCN: VP14453 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chính lý ngày 23/11/2023.

- Thửa đất số 398, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222401, số vào sổ cấp GCN: VP14454 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

- Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 2402, số vào sổ cấp GCN: VP14455 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với N Bank. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ liên đới trả và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho N Bank.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.
- Áp dụng các Điều 317, 318, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (N Bank) đối với bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C.

Cụ thể tuyên:

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (N Bank) số tiền tính đến ngày 04/12/2024 là: 1.332.841.116 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười sáu đồng), trong đó gồm: (Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.257.103 đồng; Nợ lãi vốn quá hạn (100%): 972.329 đồng; Nợ lãi phạt vốn quá hạn (50%): 486.164 đồng; Lãi chậm trả lãi: 7.609 đồng.

Dư nợ thẻ tín dụng: 22.117.911 đồng. Cụ thể:

Thẻ: 970428xxxxxx3044: 21.705.523 đồng; Thẻ: 356519xxxxxx7016: 412.388 đồng.

Số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 0393/2023/609-TD-CV ngày 29/11/2023 (gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0113/2024/609-CV ngày 16/07/2024 (gọi tắt là “Hợp đồng thẻ tín dụng”) cho đến ngày bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Ngô Văn Cường thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ.

1.2 Trường hợp bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ nợ thì N Bank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm cùng toàn bộ vật phụ, hoa lợi, lợi tức, doanh thu và các quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ vay cho N Bank:

- Thửa đất số 396, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số D 222399, số vào sổ cấp GCN: VP14452 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chỉnh lý ngày 23/11/2023.

- Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre, GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222400, số vào sổ cấp GCN: VP14453 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T. Được Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cập nhật, chỉnh lý ngày 23/11/2023.

- Thửa đất số 398, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 222401, số vào sổ cấp GCN: VP14454 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

- Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 30, tại địa chỉ: xã M, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 2402, số vào sổ cấp GCN: VP14455 do Văn Phòng Đăng Ký Đất Đai tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/11/2023 cho bà Nguyễn Thị T.

1.3 Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Văn C được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với N Bank. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ liên đới trả và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho N Bank.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 51.985.233 (Năm mươi một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng, bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn C có nghĩa vụ liên đới nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N do Ngân hàng N - Phòng giao dịch Thạnh Phú nhận thay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.993.000 (Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008715 ngày 13/02/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí